

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST

Ngày 29/ 10/ 2021

V/v: "Ly hôn-Tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Bạc Thị Liên
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Khải
2. Bà Bạc Thị Kiên

- Th- ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đ.

Ngày 29/10/2021. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐB, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 261/2021/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2021 về ly hôn và tranh chấp nuôi con, theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 60/2019/QĐXX-ST ngày 30/8/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 38 ngày 14/9/2021 và quyết định hoãn phiên tòa lần 2 số 01 ngày 13/10/2021 giữa đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Quàng Thị H - Sinh năm 1994 (có mặt).

Nơi ĐKNKTT: Bản N, xã P, Huyện Đ, tỉnh ĐB.

Chỗ ở hiện nay: Bản X, xã P L, huyện Đ.

2. **Bị đơn:** Anh Lò Văn M, sinh năm 1991

Trú tại: Bản N xã P, Huyện Đ, tỉnh ĐB.

(Vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 02/8/2021 và các bản tự khai tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, chị Quàng Thị H (nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và anh Lò Văn M tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ, vào ngày 28/8/2019, hôn nhân tự nguyện, không bị ai ép buộc. Chung sống hạnh phúc được một thời gian gần 10 năm đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung và một nguyên nhân chính là tôi phát hiện ra anh M bị nghiện chất ma túy. Tôi và gia đình đã khuyên bảo anh M từ bỏ ma túy cho anh M cai nghiện tại nhà nhưng anh M

không nghe vẫn tái nghiện, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng chúng tôi thường xuyên cãi vã. Hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Chúng tôi đã sống ly thân, tôi và con gái về nhà mẹ đẻ tại bản X, xã P sinh sống từ tháng 6/2020 cho đến nay. Từ khi sống ly thân hai vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Anh M cũng không có ý định hàn gắn tình cảm bỏ mặc vợ con không quan tâm đi làm thuê cũng không gửi tiền về .

Tôi xét thấy tình cảm giữa tôi và chồng không còn cuộc hôn nhân không có hạnh phúc nên tôi viết đơn này đề nghị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên giải quyết cho tôi được ly hôn với anh M.

Về con chung: Chị H khai vợ chồng có 02 con chung là: Lò Phương C, sinh ngày 7/4/2011 và Lò Minh H, sinh ngày 09/12/2012 sau khi ly hôn chị H xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C và không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng. Để cháu H cho anh M nuôi dưỡng vì từ khi ly thân anh M vẫn nuôi cháu H, chúng tôi thống nhất mỗi người nuôi một con.

Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản các bản tự khai ngày 10/8/2021 và ngày 03/9/2021 đơn xin hoãn phiên tòa ngày 03/9/2021 bị đơn anh Lò Văn M trình bày:

Về hôn nhân anh và chị H tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ ngày 28/8/2019. Kết hôn nhân tự nguyện không ai ép buộc chung sống hạnh phúc đến tháng 1 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống không tìm được tiếng nói chung. Bản thân tôi phát hiện ra cô H có nhắn tin hẹn hò với người đàn ông khác bảo sẽ bỏ nhà đi làm thuê tôi bảo cô H thì vợ chồng phát sinh cãi vã mâu thuẫn. Sau đó cô H tự ý bỏ về nhà ngoại sinh sống. Tôi thấy cô H không quay lại nhà chồng hơn một năm nay. Nghe bảo đi làm thuê và tết năm 2021 có về nhưng cũng không về nhà chồng mà ở luôn bên nhà ngoại. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2020 cho đến nay không quan tâm đi lại thăm nom gì nhau. Nay tình cảm của tôi và vợ vẫn còn, cô H làm đơn ly hôn tôi không đồng ý. Tôi muốn cô H quay lại vì 2 con. Còn nếu cô H cứ nhất định giải quyết ly hôn thì chờ tôi về mới được giải quyết. Tôi không đồng ý giải quyết vắng mặt. Ngày 3/9/2021 anh M có đơn xin hoãn phiên Tòa vì dịch bệnh không về được.

Về con chung anh M khai vợ chồng có 02 con chung cháu Lò Phương C, sinh ngày 7/4/2011 và Lò Minh H, sinh ngày 09/12/2012 sau khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lò Minh H để cô H nuôi cháu C nếu cô H không nuôi thì anh có nguyện vọng nuôi cả 2 con cho đến khi thành niên không yêu cầu cô H cấp dưỡng.

Về Tài sản riêng, tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Anh M không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Lò Văn M đã được triệu tập họp lệ 02 lần, lần 1 vắng mặt có lý do HĐXX đã hoãn phiên tòa. Lần 2 vẫn vắng mặt không lý do

căn cứ quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh Minh cấp dưỡng nuôi con, về tài sản không yêu cầu Tòa giải quyết như nội dung trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Bị đơn và nguyên đơn đều có địa chỉ tại bản Na Há, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên do vậy vụ án xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Đ đã thực hiện đúng qui định tại các Điều 177/ BLTTDS, việc anh M không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70; 72/BLTTDS là do anh M đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Cho nên căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS năm 2015. HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

[2] .Về quan hệ hôn nhân: Chị Quàng Thị H và anh Lò Văn M có tổ chức lễ cưới năm 2010 và có đăng ký kết hôn ngày 28/8/2019 tại UBND xã P, huyện Đ. Do vậy hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành.

Theo chị H khai nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là do phát hiện anh Minh bị nghiện chất ma túy. Tại đơn xác minh về tình trạng hôn nhân do Trưởng bản và UBND xã P xác nhận anh M và chị H có sinh sống tại bản N xã P từ năm 2010 đến năm 2018 đã mâu thuẫn do anh M có sử dụng ma túy thôn bản đã hòa giải nhưng hai vợ chồng vẫn không hòa hợp. Bản thân chị H xét thấy tình cảm không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Theo lời khai của anh M thì vợ chồng mâu thuẫn do chị H và anh M bất đồng quan điểm sống, chị H tự ý bỏ nhà đi làm thuê và về bên ngoại sinh sống không chăm lo chồng con. Bản thân anh M xét tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn và cũng không đưa ra chứng cứ gì. Nếu muốn vợ chồng đoàn tụ thì anh cũng phải có ý thức sửa chữa và hòa giải hàn gắn đoàn tụ gia đình nhưng đằng này anh lại bỏ mặc không quan tâm như vậy cho thấy hai anh chị thực sự không còn yêu thương quan tâm và muốn chăm sóc nhau, theo Điều 19 luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Nhưng hai anh chị không muốn thực hiện quyền và nghĩa vụ qui định tại điều luật này. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh M và chị H đang trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của chị H và để giải phóng cho chị thoát khỏi tình trạng hiện tại khi mà cuộc hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc cho cả hai anh chị mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vì mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy không thể đảm bảo hạnh phúc gia đình cho chị H cùng con. Hai anh chị lại sống ly thân một năm nay. Căn cứ Điều 51,

và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Hồng xử cho ly hôn giữa chị Quảng Thị H và anh Lò Văn M.

[3] Về con chung: Anh M và chị H có nguyện vọng mỗi người nuôi một con. Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên vọng này của anh chị là phù hợp với qui định của luật hôn nhân gia đình và có xem xét nguyện vọng cháu H muốn sống cùng bố, nguyện vọng cháu C muốn sống cùng mẹ. Để đảm bảo quyền lợi cho các cháu và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của hai anh chị, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, giao cháu C cho chị Hồng được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi d-ỡng. Giao cháu H cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng.

Không bên nào phải cấp d-ỡng nuôi con. Anh M và chị H có quyền đi lại thăm nom giáo dục con chung, không ai đ-ợc cản trở.

[4] Về tài sản: Tài sản riêng; Tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng, nương: Chấp nhận việc hai anh chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H là dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú tại xã đặc biệt khó khăn thuộc diện miễn án phí và có đơn xin miễn áp phí. Áp dụng Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 chị H được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 69, Điều 19, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Quảng Thị H được ly hôn với anh Lò Văn M

2. Về con chung: Giao cháu Lò Phương C sinh ngày 7/4/2010 cho chị Quảng Thị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi d-ỡng cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động.

Giao cháu Lò Minh H sinh ngày 09/12/2012 cho anh Lò Văn M được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi d-ỡng cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động. Không bên nào phải cấp d-ỡng nuôi con chung.

Ng-ời không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai đ-ợc cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản: Chấp nhận việc không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản của nguyên đơn và bị đơn.

4. Về án phí: Căn cứ Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án, chị Quảng Thị H được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản

án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã P;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bạc Thị Liên

